

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	9 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (viết tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29/03/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 09 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 02/7/2021.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HFC PETROLEUM CORPORATION, viết tắt là HFC., CORP

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 02/7/2021: 81.981.050.000 đồng
(Bằng chữ: Tám mươi một tỷ, chín trăm tám mươi một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và giao dịch trên sàn UpCom với mã HFC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trọng Hậu	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
Ông Nguyễn Phi Thái	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
Ông Nguyễn Hữu Yên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
Ông Trần Bá Hóa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Đình Quý	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
Bà Phạm Thị Liên Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
Bà Đậu Ngọc Nhân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
Ông Nguyễn Công Lương	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 25/6/2021)
Ông Cấn Duy Hưng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/6/2021)
Ông Nguyễn Công Mạnh Hùng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/6/2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Yên	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/7/2021)
Ông Nguyễn Trọng Hậu	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/7/2021)
Ông Nguyễn Phi Thái	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hữu Yên
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Số: 155/2022/BCKT- CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
 Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo thuyết minh số 5.2 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng: Các khoản nợ phải thu quá hạn chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ thời điểm 31/12/2021 với số tiền: 14.303.511.808 đồng. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác đối với các khoản phải thu này, tuy nhiên chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng tin cậy và hợp lý để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, đúng đắn của các số dư nêu trên, cũng như đánh giá khả năng thu hồi và xem xét việc trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi (nếu có) được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Lưu Anh Tuấn**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1026-2019-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		215.550.235.271	239.453.649.334
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	10.124.671.168	7.408.746.128
1. Tiền	111		10.124.671.168	7.408.746.128
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		192.582.967.552	220.753.019.078
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	178.878.543.496	213.577.996.615
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	1.500.025.313	846.108.997
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	220.000.000	500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	11.984.398.743	5.828.913.466
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	11.971.280.050	10.407.190.905
1. Hàng tồn kho	141		11.971.280.050	10.407.190.905
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		871.316.501	884.693.223
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	868.589.043	884.364.603
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		241.182	98.182
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	2.486.276	230.438
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		86.945.831.476	99.133.265.625
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.440.000	6.440.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	6.440.000	6.440.000
II. Tài sản cố định	220		42.760.765.351	43.973.327.592
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	36.298.155.351	37.331.209.592
Nguyên giá	222		73.391.554.491	69.570.714.538
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.093.399.140)	(32.239.504.946)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	6.462.610.000	6.642.118.000
Nguyên giá	228		10.637.756.591	10.637.756.591
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.175.146.591)	(3.995.638.591)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.10	15.685.116.994	16.344.602.095
Nguyên giá	231		19.589.702.898	19.589.702.898
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.904.585.904)	(3.245.100.803)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.492.237.560	13.394.186.950
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	8.492.237.560	13.394.186.950
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	4.460.000.000	7.949.749.123
1. Đầu tư vào Công ty con	251		9.460.000.000	9.460.000.000
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		-	4.965.537.150
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.000.000.000)	(6.475.788.027)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		15.541.271.571	17.464.959.865
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	15.541.271.571	17.464.959.865
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		302.496.066.747	338.586.914.959

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		225.895.673.832	281.374.341.234
I. Nợ ngắn hạn	310		222.970.048.674	261.013.472.138
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	53.076.638.968	80.301.311.415
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	664.788.558	363.232.856
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	1.981.646.697	882.950.744
4. Phải trả người lao động	314		1.897.460.423	4.028.743.101
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	505.276.230	609.963.013
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	193.939.424
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	9.661.724.166	5.049.817.953
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	154.700.000.000	169.000.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		482.513.632	583.513.632
II. Nợ dài hạn	330		2.925.625.158	20.360.869.096
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	2.925.625.158	2.933.169.096
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	5.19	-	17.427.700.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		76.600.392.915	57.212.573.725
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20	76.600.392.915	57.212.573.725
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		81.981.050.000	64.553.350.000
CP phổ thông có quyền biểu quyết	411a		81.981.050.000	64.553.350.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		29.725.583	29.725.583
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(5.410.382.668)	(7.370.501.858)
LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(7.370.501.858)	3.377.780.296
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.960.119.190	(10.748.282.154)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN				
(440 = 300 + 400)	440		302.496.066.747	338.586.914.959

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Lan



Nguyễn Công Lương



Nguyễn Hữu Yên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.515.834.594.372	1.482.413.458.091
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	6.1	1.515.834.594.372	1.482.413.458.091
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.432.978.969.351	1.392.288.936.266
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		82.855.625.022	90.124.521.825
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.068.769.083	42.771.101
7. Chi phí tài chính	22	6.4	8.859.206.680	13.017.602.738
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.699.994.702	11.656.656.208
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	44.387.517.565	52.291.767.593
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	25.308.214.020	30.361.103.969
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		5.369.455.840	(5.503.181.374)
11. Thu nhập khác	31		984.862.189	1.487.034.518
12. Chi phí khác	32		190.054.444	1.392.628.728
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	6.7	794.807.745	94.405.790
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.164.263.584	(5.408.775.584)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.294.144.394	2.429.506.570
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.870.119.190	(7.838.282.154)

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Lan

Nguyễn Công Lương



Nguyễn Hữu Yên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.164.263.584	(5.408.775.584)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02		7.494.088.506	7.658.020.538
- Các khoản dự phòng	03		(1.475.788.027)	(579.590.362)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.068.769.083)	(42.771.146)
- Chi phí lãi vay	06		9.699.994.702	11.656.656.208
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				
trước thay đổi vốn lưu động	08		20.813.789.682	13.283.539.654
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(33.021.182.184)	29.780.905.775
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.564.089.145	(5.617.734.738)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		49.517.512.320	(23.423.891.985)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.939.463.854)	(2.179.784.293)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.573.317.993)	(11.512.861.411)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(206.432.743)	(2.369.212.836)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.061.973.178
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.083.068.197)	(973.155.794)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22.071.926.176	(1.950.222.450)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Chi mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(6.245.596.317)	(1.359.799.902)
2. Thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	22		800.400.000	1.580.500.000
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		280.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		109.195.180	42.771.101
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.056.001.137)	263.471.199
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		669.600.000.000	671.427.700.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(683.900.000.000)	(675.052.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.300.000.000)	(3.624.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2.715.925.040	(5.311.451.251)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.408.746.128	12.720.197.379
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	10.124.671.168	7.408.746.128

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Lan

Nguyễn Công Lương

Nguyễn Hữu Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC được đổi tên từ Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29/03/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 09 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 02/7/2021.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 02/7/2021: 81.981.050.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi một tỷ, chín trăm tám mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và giao dịch trên sàn Upcom với mã HFC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết:
 - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
 - Bán buôn dầu thô;
 - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn xăng dầu đã tinh chế: xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hòa; Bán buôn dầu nhớt, mỡ nhớt, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác;
 - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Cho thuê văn phòng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống.
- Đại lý bảo hiểm;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu;
- Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
-

Hoạt động chính của Công ty trong năm: kinh doanh xăng dầu, sản phẩm từ dầu mỏ tự nhiên, cho thuê văn phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Hải Phòng	Km 2 đường 356, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
2.	Chi nhánh Nghệ An	Xóm Bắc Sơn 1, xã Nghi Quang, Huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
3.	Chi nhánh Thái Nguyên	Số nhà 68A, tổ 4, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các Công ty con sau:

Tên Công ty, đơn vị	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % biểu quyết
Công ty con			
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ thương mại HFC	Vận chuyển xăng dầu	89,2%	89,2%
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Kinh doanh dịch vụ ăn uống	100%	100%

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, do đó thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được. Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng này được lập riêng cho Công ty và không bao gồm Báo cáo tài chính riêng của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết***

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Công ty có các hợp đồng hợp tác kinh doanh với các đối tác như sau:

{1}: Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 565/HĐHT/TRANSECO-HFC-PARUS ký ngày 18/10/2014 giữa Bên A: Trung tâm Thương mại và Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội, Bên B: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC và Bên C: Công ty Cổ phần Parus về việc: Đầu tư xây dựng Cửa hàng xăng dầu tại bến đỗ xe kết hợp trạm trung chuyển Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội

- Thời hạn hợp tác: 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng hợp tác;
- Tỷ lệ góp của các bên như sau: Bên A: 28%, Bên B: 51% và Bên C: 21%.

Phân chia lợi nhuận: Lợi nhuận để chia cho các Bên là lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án hợp tác. Trong đó, các bên thống nhất riêng Bên A và Bên C được hưởng lợi nhuận tối thiểu hàng năm (của Bên A là: 307.000.000 đồng, Bên C là: 230.000.000 đồng) mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án hợp tác.

{2}: Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHT/TRANSECO-HFC-TL ký ngày 07/7/2016 giữa Bên A: Trung tâm Thương mại và Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội, Bên B: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC và Bên C: Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng 89 về việc: Đầu tư xây dựng Cửa hàng xăng dầu tại Dự án xây dựng bãi đỗ xe công cộng kết hợp trồng cây xanh tại xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐHT ngày 31/12/2018 về việc điều chỉnh Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHT/TRANSECO-HFC-TL ký ngày 07/7/2016 theo đó bên C không tham gia vào Hợp đồng hợp tác kinh doanh trên.

- Thời hạn hợp tác: 15 năm kể từ ngày ký hợp đồng hợp tác;
- Bên A góp bằng quyền khai thác mặt bằng với diện tích 4.502 m² có vị trí giáp mặt đường Phan Trọng Tuệ. Bên B góp vốn đầu tư xây dựng và vốn lưu động
- Phân chia lợi nhuận: Bên A nhận được 28%, Bên B nhận được 72%. Tuy nhiên Bên B phải đảm bảo mức phân chia lợi nhuận tối thiểu cho Bên A là 500 triệu đồng/năm mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án hợp tác.

{3}: Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/HĐHT/TRANSECO-HFC-ZENIT ký ngày 10/8/2016 giữa Bên A: Trung tâm Thương mại và Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội, Bên B: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC và Bên C: Công ty Cổ phần Zenit Việt Nam về việc: Đầu tư xây dựng Cửa hàng xăng dầu trên một phần diện tích đất có vị trí giáp mặt đường Trần Vĩ. Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐHT ngày 18/4/2019 về việc điều chỉnh Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/HĐHT/TRANSECO-HFC-ZENIT ký ngày 10/8/2016 theo đó bên C không tham gia vào Hợp đồng hợp tác kinh doanh trên

- Thời hạn hợp tác: 15 năm kể từ ngày ký hợp đồng hợp tác;
- Bên A góp bằng quyền khai thác mặt bằng với diện tích 1.423 m² có vị trí giáp mặt đường Trần Vĩ. Bên B góp vốn đầu tư xây dựng và vốn lưu động
- Phân chia lợi nhuận: Bên A nhận được 28%, Bên B nhận được 72%. Tuy nhiên Bên B phải đảm bảo mức phân chia lợi nhuận tối thiểu cho Bên A là 325 triệu đồng/năm mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án hợp tác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Tiếp theo)**

{4}: Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 03/HĐHT/TRANSERCO-HFC-ZENIT ký ngày 10/8/2016 giữa Bên A: Trung tâm Thương mại và Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội, Bên B: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC và Bên C: Công ty Cổ phần Zenit Việt Nam về việc: Đầu tư xây dựng Cửa hàng xăng dầu trên một phần diện tích đất có vị trí giáp mặt đường ngõ 196 Hồ Tùng Mậu. Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐHT ngày 18/4/2019 về việc điều chỉnh Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 03/HĐHT/TRANSERCO-HFC-ZENIT ký ngày 10/8/2016 theo đó bên C không tham gia vào Hợp đồng hợp tác kinh doanh trên

- Thời hạn hợp tác: 15 năm kể từ ngày ký hợp đồng hợp tác;
- Bên A góp bằng quyền khai thác mặt bằng với diện tích 903 m² có vị trí giáp mặt đường ngõ 196 Hồ Tùng Mậu. Bên B góp vốn đầu tư xây dựng và vốn lưu động
- Phân chia lợi nhuận: Bên A nhận được 28%, Bên B nhận được 72%. Tuy nhiên Bên B phải đảm bảo mức phân chia lợi nhuận tối thiểu cho Bên A là 200 triệu đồng/năm mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án hợp tác.

{5}: Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 115/2015/HĐ-VNLHP ký ngày 28/08/2015, giữa các bên như sau: Bên A: Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV tại Hải Phòng, Bên B: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC về việc: Đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu tại dự án kho bãi Vinalines tại phường Đông Hải II, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Thời hạn hợp tác: 15 năm kể từ ngày ký hợp đồng hợp tác;
- Bên A góp bằng quyền khai thác mặt bằng với diện tích 4.100m² thuộc dự án kho bãi container do Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam quản lý, Bên B góp bằng các tài sản cố định đã đầu tư trên diện tích đất nêu trên (có xác nhận của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam), Bên C tiếp tục bỏ các chi phí đầu tư để hoàn thiện cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
- Phân chia lợi nhuận: Lợi nhuận để chia cho các Bên là lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án hợp tác. Trong đó, các Bên thống nhất Bên A và Bên B được hưởng lợi nhuận cố định hàng năm (Bên A là: 1.056.000.000 đồng), mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án hợp tác. Sau 03 năm một lần, khoản lợi nhuận chia cho Bên A sẽ được điều chỉnh tăng không thấp hơn 7% so với mức chia lợi nhuận kỳ trước đó.

{6}: Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHT/HFC-TRANSMEDIA ký ngày 16/9/2019 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/HĐHT/HFC-TRANSMEDIA ngày 16/09/2019 giữa Bên A: Công ty Cổ phần Transmedia và Bên B: Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC về việc: Đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu Mai Dịch 1 và Mai Dịch 2 tại phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- Thời hạn hợp tác: 12 năm kể từ ngày ký hợp đồng hợp tác;
- Bên A góp bằng quyền khai thác mặt bằng với diện tích 1.423 m² thuộc quyền quản lý của Bên A, Bên B tiếp tục bỏ các chi phí đầu tư để hoàn thiện cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

Phân chia lợi nhuận: Lợi nhuận để chia cho các Bên là lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án hợp tác. Trong đó, Bên B đảm bảo mức lợi nhuận tối thiểu hàng năm trả cho Bên A là: 292.000.000 đồng mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án hợp tác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 50 năm.

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc

Số năm
05 - 40

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác, là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí lãi vay, tiền thuê đất phải trả được trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng.

Các chi phí bảo hiểm và chi phí khác.

Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng (hoặc phương pháp lãi suất thực tế - tùy theo từng khách hàng), và ghi nhận vào chi phí tài chính (hoặc vốn hóa).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn. Phần nợ gốc được ghi nhận là nợ phải trả, cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác*****Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn xăng dầu, bất động sản cho thuê (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động,...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty có 3 lĩnh vực kinh doanh chính: xăng dầu, vận tải và dịch vụ khác. Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định không trình bày Báo cáo bộ phận trong Báo cáo tài chính riêng.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt (VND)	3.119.020.494	2.693.280.249
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (VND)	7.003.453.801	4.715.279.334
Tiền đang chuyển (VND)	2.196.873	186.545
Tổng	10.124.671.168	7.408.746.128

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng,
P.Quang Trung, Q.Đống Đa, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
XN xe buýt Hà Nội - CN TCT Vận tải Hà Nội	20.014.102.580	24.432.671.990
XN xe buýt Thăng Long Hà Nội	8.438.349.540	10.666.150.660
XN xe buýt 10-10 Hà Nội	11.572.844.130	15.626.130.240
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	2.680.707.130	7.741.148.920
Công ty CP xe khách Hà Nội	3.401.211.320	4.780.174.820
XN xe buýt Cầu Bươu - CN TCT Vận tải Hà Nội	6.450.764.650	10.992.307.060
Công ty CP Đầu tư XNK Trịnh Gia (i)	4.110.670.609	4.110.670.609
Công ty CP Vận tải xăng dầu Quý An (i)	2.016.414.100	2.016.414.100
Công ty TNHH Tín Phát- Hải Phòng (i)	1.740.009.569	1.770.009.569
Công ty TNHH Vận tải Nam Anh (i)	1.355.417.530	1.355.417.530
Bà Nguyễn Thị Hòa (i)	5.081.000.000	4.301.000.000
Công ty CP Thương mại Việt Nga	1.497.400.805	1.512.549.315
Xí nghiệp xe khách Nam Hà Nội	2.919.436.300	5.333.245.299
Trung tâm Tân Đạt - CN TCT Vận tải Hà Nội	3.269.457.660	4.310.519.510
XN xe buýt Yên Viên - CN TCT Vận tải HN	2.884.661.540	6.201.421.220
XN xe buýt nhanh BRT - CN TCT Vận tải HN	7.843.196.170	9.460.847.280
Công ty CP XD và Vận tải Minh Nguyễn	2.354.276.666	2.694.276.666
Công ty CP DVTM và Vận tải Thùy Dương	1.589.074.210	1.833.395.300
Đỗ Văn Huy	5.882.825.000	-
Phải thu các khách hàng khác	83.776.723.987	94.439.646.527
Tổng	178.878.543.496	213.577.996.615
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại 8.2)</i>	<i>3.549.711.320</i>	<i>5.211.458.532</i>

(i): Các khoản nợ quá hạn thanh toán, chưa đánh giá được khả năng thu hồi.

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty CP XD Công nghệ & MT Quang Minh	150.840.000	150.840.000
Công ty CP BKAV	-	100.000.000
Công ty CP Mỹ Anh	400.000.000	400.000.000
Công ty Cổ phần ô tô Vũ Linh	610.000.000	-
Công ty TNHH Hải Linh	209.875.325	-
Các đối tượng khác	129.309.988	195.268.997
Tổng	1.500.025.313	846.108.997

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.4 Phải thu về cho vay

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	220.000.000	500.000.000
Tổng	220.000.000	500.000.000
<i>Trong đó: Phải thu bên liên quan</i>		
<i>(Chi tiết tại 8.2)</i>	<i>220.000.000</i>	<i>500.000.000</i>

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	11.984.398.743	-	5.828.913.466	-
Tạm ứng	2.398.871.696	-	4.049.673.375	-
Ký quỹ, ký cược	5.083.068.197	-	-	-
Phải thu khác	4.502.458.850	-	1.779.240.091	-
b) Dài hạn	6.440.000	-	6.440.000	-
Ký quỹ, ký cược	6.440.000	-	6.440.000	-
Tổng	11.990.838.743	-	5.835.353.466	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	110.668.250	-	83.580.000	-
Công cụ dụng cụ	1.348.629.332	-	1.275.003.274	-
Hàng hóa	10.462.904.680	-	9.048.607.631	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	49.077.788	-	-	-
Tổng	11.971.280.050	-	10.407.190.905	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	868.589.043	884.364.603
Chi phí công cụ, dụng cụ, sửa chữa, cải tạo nhỏ	381.370.721	263.118.363
Chi phí bảo hiểm và các chi phí khác khác	487.218.322	621.246.240
b) Dài hạn	15.541.271.571	17.464.959.865
Chi phí thuê tài sản gắn liền trên đất tại cửa hàng Cầu Cắm, Nghệ An và các chi phí khác	-	1.515.237.114
Chi phí sửa chữa các cửa hàng và công cụ, dụng cụ tại Hà Nội và các chi phí khác	7.798.236.784	6.923.140.466
Chi phí thuê, đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu tại Hải Phòng và các chi phí khác	7.743.034.787	9.026.582.285
Tổng	16.409.860.614	18.349.324.468

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2021	41.173.141.310	18.402.661.590	5.409.138.182	4.585.773.456	69.570.714.538
- Mua sắm	-	510.000.000	5.773.574.499	-	6.283.574.499
- Đầu tư XDCB	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.632.300.000)	(830.434.546)	-	(2.462.734.546)
Số dư tại 31/12/2021	41.173.141.310	17.280.361.590	10.352.278.135	4.585.773.456	73.391.554.491
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2021	12.199.067.779	12.153.214.892	4.757.489.521	3.129.732.754	32.239.504.946
- Khấu hao trong năm	2.808.179.908	2.580.933.841	735.816.632	530.165.024	6.655.095.405
- Thanh lý, nhượng bán	-	(970.766.665)	(830.434.546)	-	(1.801.201.211)
Số dư tại 31/12/2021	15.007.247.687	13.763.382.068	4.662.871.607	3.659.897.778	37.093.399.140
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2021	28.974.073.531	6.249.446.698	651.648.661	1.456.040.702	37.331.209.592
Tại ngày 31/12/2021	26.165.893.623	3.516.979.522	5.689.406.528	925.875.678	36.298.155.351

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 9.691.071.773 đồng (tại ngày 31/12/2020: 9.588.166.773 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2021 là 9.464.488.857 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 10.402.136.426 đồng do phân loại lại Tài sản cố định hữu hình sang Bất động sản đầu tư).

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng,
P.Quang Trung, Q.Đống Đa, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2021	8.975.572.591	1.610.884.000	51.300.000	10.637.756.591
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	8.975.572.591	1.610.884.000	51.300.000	10.637.756.591
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2021	2.333.454.591	1.610.884.000	51.300.000	3.995.638.591
- Khấu hao trong năm	179.508.000	-	-	179.508.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	2.512.962.591	1.610.884.000	51.300.000	4.175.146.591
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2021	6.642.118.000	-	-	6.642.118.000
Tại ngày 31/12/2021	6.462.610.000	-	-	6.462.610.000

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 1.662.184.000 đồng (tại ngày 31/12/2020: 1.662.184.000 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2021 là 6.462.610.000 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 6.642.118.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.10 Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND				
Bất động sản đầu tư cho thuê	01/01/2021	Tăng	Giảm	31/12/2021
NGUYÊN GIÁ	19.589.702.898	-	-	19.589.702.898
Văn phòng Số 233 Khâm Thiên	311.379.600	-	-	311.379.600
Nhà 63 Tô Hiến Thành	1.915.230.967	-	-	1.915.230.967
VP 456 Trần Khát Chân	1.737.952.455	-	-	1.737.952.455
Nhà 6 tầng số 1 Thi Sách	5.172.118.006	-	-	5.172.118.006
Quầy Kios	419.189.655	-	-	419.189.655
Nhà hàng số 7 Dã Tượng	10.033.832.215	-	-	10.033.832.215
GIÁ TRỊ HAO MÒN	3.245.100.803	659.485.101	-	3.904.585.904
Văn phòng Số 233 Khâm Thiên	311.379.600	-	-	311.379.600
Nhà 63 Tô Hiến Thành	766.540.330	49.943.082	-	816.483.412
VP 456 Trần Khát Chân	1.032.238.401	70.571.400	-	1.102.809.801
Nhà 6 tầng số 1 Thi Sách	80.276.776	137.617.330	-	217.894.106
Quầy Kios	419.189.655	-	-	419.189.655
Nhà hàng số 7 Dã Tượng	635.476.041	401.353.289	-	1.036.829.330
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	16.344.602.095	-	-	15.685.116.994
Văn phòng Số 233 Khâm Thiên	-	-	-	-
Nhà 63 Tô Hiến Thành	1.148.690.637	-	-	1.098.747.555
VP 456 Trần Khát Chân	705.714.054	-	-	635.142.654
Nhà 6 tầng số 1 Thi Sách	5.091.841.230	-	-	4.954.223.900
Quầy Kios	-	-	-	-
Nhà hàng số 7 Dã Tượng	9.398.356.174	-	-	8.997.002.885

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm lần lượt là 3.228.484.848 VND và 4.009.903.085 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp chưa hướng dẫn cụ thể phương pháp xác định và kế toán giá trị hợp lý bất động sản đầu tư, do đó Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán riêng.

Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay tại 31/12/2021 là 14.586.369.439 VND (tại 31/12/2020 là: 15.195.911.458 VND).

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại 31/12/2021 là 730.569.255 VND (tại 31/12/2020 là: 730.569.255 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

Nội dung	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án 64 đường Láng	-	-	4.939.927.572	4.939.927.572
Dự án số 1 Đông Tác (i)	280.548.714	280.548.714	280.548.714	280.548.714
Dự án 233 Khâm Thiên (i)	684.964.224	684.964.224	646.986.042	646.986.042
Dự án 17 Hồng Mai (i)	478.501.271	478.501.271	478.501.271	478.501.271
Cửa hàng XD Đồng Tháp	6.489.667.442	6.489.667.442	6.489.667.442	6.489.667.442
Dự án khác (i)	558.555.909	558.555.909	558.555.909	558.555.909
Tổng	8.492.237.560	8.492.237.560	13.394.186.950	13.394.186.950

(i): Dự án đang trong quá trình xin cấp phép xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng,
P.Quang Trung, Q.Đống Đa, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.12 Đầu tư tài chính dài hạn

Thông tin về khoản đầu tư vào Công ty con:

TT	Công ty con	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % biểu quyết
1.	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ thương mại HFC	Tầng F3, Tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội	Vận chuyển xăng dầu	89,2%	89,2%
2.	Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Số 7 Dã Tượng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Kinh doanh dịch vụ ăn uống	100,0%	100,0%

Chi tiết khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết:

Nội dung	31/12/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con	9.460.000.000		(5.000.000.000)	9.460.000.000		(6.475.788.027)
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	4.460.000.000	(*)	-	4.460.000.000	(*)	(1.475.788.027)
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	5.000.000.000	(*)	(5.000.000.000)	5.000.000.000	(*)	(5.000.000.000)
Đầu tư vào công ty liên kết	-		-	4.965.537.150	5.174.793.474	-
Công ty CP Xe khách Hà Nội (1)	-	-	-	4.965.537.150	5.174.793.474	-
Tổng:	9.460.000.000	-	(5.000.000.000)	14.425.537.150	5.174.793.474	(6.475.788.027)

(*) Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư do cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trong trường hợp cổ phiếu chưa niêm yết. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(1) Nghị Quyết số 76.2/2021/NQ/HFC-HĐQT ngày 21/10/2021 thông qua phương án thoái vốn tại Công ty Cổ phần xe khách Hà Nội với yêu cầu không lỗ so với giá trị đã đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng,
P.Quang Trung, Q.Đống Đa, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Xăng dầu Khu vực I	35.972.291.469	35.972.291.469	53.911.061.784	53.911.061.784
Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Hoàng Trọng	8.459.329.662	8.459.329.662	6.596.259.723	6.596.259.723
Công ty TNHH LPK	4.951.339.285	4.951.339.285	7.799.906.710	7.799.906.710
Công Ty TNHH Hải Linh	-	-	6.278.727.320	6.278.727.320
Phải trả các đối tượng khác	3.693.678.552	3.693.678.552	5.715.355.878	5.715.355.878
Tổng	53.076.638.968	53.076.638.968	80.301.311.415	80.301.311.415
<i>Trong đó: Phải trả các bên liên quan (Chi tiết tại 8.2)</i>	35.972.291.469	35.972.291.469	54.105.096.229	54.105.096.229

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH Lotte Rent - A -Car - Vina	253.312.624	60.855.400
Công ty TNHH A Sóc	-	4.209.114
Công ty TNHH chuyển phát nhanh DHL	-	27.244.917
Công ty TNHH TM Tùng Bách	45.839.796	79.145.506
Các đối tượng khác	365.636.138	191.777.919
Tổng	664.788.558	363.232.856

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng,
P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Nội dung	01/01/2021 (VND)		Phát sinh trong năm (VND)		31/12/2021(VND)	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	674.388.570	6.437.842.227	6.330.438.927	-	781.791.870
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.433.807	1.294.144.394	206.432.743	-	1.094.145.458
Thuế thu nhập cá nhân	230.438	202.128.367	687.974.501	786.649.336	2.486.276	105.709.369
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	4.250.831.524	4.250.831.524	-	-
Thuế Môn bài	-	-	23.000.000	23.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	2.000.000	2.000.000	-	-
Tổng	230.438	882.950.744	12.695.792.646	11.599.352.530	2.486.276	1.981.646.697

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	121.471.230	217.863.014
Chi phí phải trả khác	383.805.000	392.099.999
Tổng	505.276.230	609.963.013

5.17 Các khoản phải trả khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Phải trả, phải nộp ngắn hạn	9.661.724.166	5.049.817.953
KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	349.097.584	428.908.494
Các khoản phải trả khác	9.312.626.582	4.620.909.459
Cổ tức phải trả	336.465.200	336.465.200
Công ty Cổ phần Parus (*)	1.645.000.000	1.875.000.000
Công ty CP Transmedia (**)	2.117.000.000	2.190.000.000
Nguyễn Thị Kiều Nga	4.595.671.232	-
Các khoản phải trả khác	618.490.150	219.444.259
b) Phải trả, phải nộp dài hạn	2.925.625.158	2.933.169.096
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.925.625.158	2.933.169.096
Tổng	12.587.349.324	7.982.987.049

(*) Lợi nhuận phải trả của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 565/HĐHT/TRANSSERCO-HFC-PARUS ngày 28/10/2014 giữa: Trung tâm TM và DV - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội (Bên A), Công ty Cổ phần Xăng dầu chất đốt Hà Nội (Bên B - nay là Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC) và Công ty Cổ phần Parus (Bên C) về việc hợp tác đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu Yên Viên - Gia Lâm.

(**) Lợi nhuận phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHT/HFC-TRANSMEDIA ngày 16/09/2019 giữa Công ty cổ phần Transmedia (Bên A) và Công ty cổ phần xăng dầu HFC (Bên B) về việc hợp tác đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu Mai Dịch 1; Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/HĐHT/HFC-TRANSMEDIA ngày 16/09/2019 giữa Công ty cổ phần Transmedia (Bên A) và Công ty cổ phần xăng dầu HFC (Bên B) về việc hợp tác đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu Mai Dịch 2.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng,
P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.18 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn, dài hạn

	01/01/2021 (VND)		Phát sinh trong năm (VND)		31/12/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương VN	169.000.000.000	169.000.000.000	669.600.000.000	683.900.000.000	154.700.000.000	154.700.000.000
- CN Hoàn Kiếm (1)	54.000.000.000	54.000.000.000	359.000.000.000	333.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (2)	115.000.000.000	115.000.000.000	288.000.000.000	340.000.000.000	63.000.000.000	63.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - CN Hà Nội (3)	-	-	22.600.000.000	10.900.000.000	11.700.000.000	11.700.000.000
Tổng	169.000.000.000	169.000.000.000	669.600.000.000	683.900.000.000	154.700.000.000	154.700.000.000

(1) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 108/HTTD/2021-HĐCVHM/NHCT122-HFC ngày 16/8/2021. Hạn mức tín dụng: tổng mức dư nợ vay theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 80 tỷ VND. Thời hạn duy trì hạn mức: kể từ ngày 16/08/2021 đến hết ngày 31/7/2022. Lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu. Tài sản đảm bảo gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại số 1 phố Thi Sách, phường Ngô Thị Sách, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 225736, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CQ-1279 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày 12/11/2009.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại 187 Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CD 824598, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CT-DA00207 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày 15/4/2016.

(2) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/4818668/2021/HĐTD ngày 15/9/2021, hạn mức vay 180 tỷ VND. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: từ ngày ký đến ngày 15/09/2022. Lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay: Để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu. Tài sản đảm bảo gồm:

- Quyền sở hữu đất, quyền sở hữu tài sản và nhà ở gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 225735, tờ bản đồ số 00, địa chỉ số 07 Dã Tượng, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CQ-1278 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 29/10/2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng,
P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn (Tiếp theo)

- Tài sản gắn liền với đất là Cửa hàng kinh doanh và văn phòng cho thuê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI225576, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ-1169, cấp theo Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 28/7/2008 của UBND thành phố Hà Nội tại địa chỉ số 456 đường Trần Khát Chân, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

- Tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị tại địa chỉ số 436-438 đường Trần Khát Chân, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI225575 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 29/4/2009.

(3) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 10499/21MB/HĐTD ngày 28/7/2021. Hạn mức tín dụng: không vượt quá 50 tỷ VND. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng kể từ ngày 28/7/2021 đến ngày 28/7/2022. Lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo gồm:

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại số 249 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BD 985326

- Máy móc thiết bị tại Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Tam Đa: Cột bơm XD điện từ TATSUNO kép Tam Đa, Cột bơm XD Sunny XE Nhật -cột kép 3 pha 40L/p- CH Tam Đa.

5.19 Trái phiếu chuyển đổi

Thông tin về phát hành trái phiếu chuyển đổi

Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2019 thông qua ngày 13/04/2019; Nghị quyết HĐQT số 53/2019/QĐ/HFC-HĐQT ngày 18/12/2019 về việc thông qua phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng.

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 29/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCK Nhà nước cấp ngày 10/2/2020.

- Ngày bắt đầu chào bán: 01/3/2020
- Ngày kết thúc chào bán: 30/3/2020
- Ngày đáo hạn: 30/3/2021
- Tỷ lệ chuyển đổi 1:10: Một trái phiếu chuyển đổi sẽ được tự động chuyển đổi thành 10 cổ phiếu phổ thông khi trái phiếu đáo hạn.
- Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng,
P.Quang Trung, Q.Đống Đa, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Trái phiếu chuyển đổi (Tiếp theo)

Trái phiếu phát hành	Số lượng phát hành	Mệnh giá trái phiếu (VND)	Giá trị phát hành (VND)	Lãi suất (%)	Thời gian đáo hạn
a) Trái phiếu thường	-	-	-	-	-
b) Trái phiếu chuyển đổi	174.277	100.000	17.427.700.000	0%	30/3/2021
Tổng	174.277		17.427.700.000		

Tăng, giảm trái phiếu chuyển đổi

	Năm 2019			
	Năm 2020		Năm 2019	
	Số lượng phát hành	Giá trị (VND)	Số lượng phát hành	Giá trị (VND)
Trái phiếu tại thời điểm đầu năm	-	-	-	-
Trái phiếu phát hành trong năm	174.277	17.427.700.000	-	-
Trái phiếu chuyển đổi đã được chuyển thành cổ phiếu trong năm	-	-	-	-
Trái phiếu chuyển đổi đáo hạn không được chuyển thành cổ phiếu trong năm	-	-	-	-
Trái phiếu tại thời điểm cuối năm	174.277	17.427.700.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng,
P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Trái phiếu chuyển đổi (Tiếp theo)

Chi tiết danh sách các nhà đầu tư trái phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Xăng dầu Khu vực 1	2.948.300.000	-
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Bình Minh	973.400.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển vận tải Đô thị	861.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hồng Bàng	867.600.000	-
Nguyễn Trọng Hậu	1.850.500.000	-
Nguyễn Phi Thái	162.100.000	-
Vũ Thị Minh Hồng	907.800.000	-
Đoàn Thái Bình	884.400.000	-
Các nhà đầu tư khác	7.972.600.000	-
Tổng	17.427.700.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng,
P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.20 Vốn chủ sở hữu**a) Biến động vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
					Tổng
Số dư tại 01/01/2020	64.553.350.000	29.725.583	3.377.780.296		67.960.855.879
Lỗ trong năm trước	-	-	(7.838.282.154)		(7.838.282.154)
Trả lãi liên doanh liên kết	-	-	(2.910.000.000)		(2.910.000.000)
Số dư tại 31/12/2020	64.553.350.000	29.725.583	(7.370.501.858)		57.212.573.725
Số dư tại 01/01/2021	64.553.350.000	29.725.583	(7.370.501.858)		57.212.573.725
Tăng vốn (i)	17.427.700.000	-	-		17.427.700.000
Lãi trong năm nay	-	-	4.870.119.190		4.870.119.190
Trả lãi liên doanh liên kết (ii)	-	-	(2.910.000.000)		(2.910.000.000)
Số dư tại 31/12/2021	81.981.050.000	29.725.583	(5.410.382.668)		76.600.392.915

(i) Nghị quyết số 06/2021/QĐ/HFC-HĐQT ngày 07/04/2021 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung chứng khoán số 04/210/GCNCPS-VSD-4 ngày 06/05/2021 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam với số lượng chứng khoán bổ sung: 1.742.770 cổ phiếu.

(ii) Khoản lợi nhuận hợp tác kinh doanh phải chia cho các đối tác (được thuyết minh tại Mục 4 - Chính sách kế toán Hợp đồng hợp tác kinh doanh)

Chi tiết khoản lợi nhuận hợp tác kinh doanh phải chia (trước thuế thu nhập doanh nghiệp) cho các đối tác theo quy định tại các Hợp đồng hợp tác kinh doanh năm 2021 như sau:

- Trung tâm thương mại và Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội: 1.332.000.000 đồng.
- Công ty Cổ phần Transmedia: 292.000.000 đồng.
- Công ty Cổ phần Parus: 230.000.000 đồng.
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV tại Hải Phòng: 1.056.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b) Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Xăng dầu Khu vực 1 - Công ty TNHH		
Một thành viên	12.464.450.000	9.516.150.000
Ông Nguyễn Trọng Hậu	7.823.390.000	5.972.890.000
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Bình Minh	4.115.240.000	-
Các cổ đông khác	57.577.970.000	49.064.310.000
Tổng	81.981.050.000	64.553.350.000

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	64.553.350.000	64.553.350.000
Vốn góp tăng trong năm	17.427.700.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	81.981.050.000	64.553.350.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.198.105	6.455.335
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.198.105	6.455.335
Cổ phiếu phổ thông	8.198.105	6.455.335
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.198.105	6.455.335
Cổ phiếu phổ thông	8.198.105	6.455.335

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa xăng, dầu	1.512.564.645.288	1.477.963.732.851
Doanh thu cho thuê BĐS và hàng hóa khác	3.269.949.084	4.449.725.240
Tổng	1.515.834.594.372	1.482.413.458.091
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan</i>		
<i>(Chi tiết tại 8.2)</i>	<i>10.321.141.963</i>	<i>11.968.213.605</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn hàng hóa xăng, dầu	1.429.371.953.291	1.389.729.424.852
Giá vốn cho thuê BĐS và hàng hóa khác	3.607.016.060	2.559.511.414
Tổng	1.432.978.969.351	1.392.288.936.266
<i>Trong đó: Giá vốn với các bên liên quan (Chi tiết tại 8.2)</i>	<i>1.105.896.446.499</i>	<i>1.053.990.024.575</i>

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	151.481.233	42.771.101
Lãi chuyển nhượng cổ phần	917.287.850	-
Tổng	1.068.769.083	42.771.101
<i>Trong đó: Doanh thu tài chính với bên liên quan (Chi tiết tại 8.2)</i>	<i>15.000.000</i>	<i>-</i>

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi vay	9.699.994.702	11.656.656.208
Phí bảo lãnh	635.000.005	781.356.168
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	(1.475.788.027)	579.590.362
Tổng	8.859.206.680	13.017.602.738

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân công	20.205.459.056	23.513.849.554
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.011.032.642	1.356.669.068
Khấu hao tài sản cố định	5.394.834.138	7.846.397.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.459.372.411	4.802.620.968
Chi phí khác bằng tiền	11.316.819.318	14.772.230.473
Tổng	44.387.517.565	52.291.767.593

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân công	13.967.873.169	14.974.584.560
Chi phí nhiên liệu, nguyên vật liệu, CCDC	280.078.171	435.969.320
Khấu hao tài sản cố định	904.485.686	1.483.637.910
Thuế, phí và lệ phí	239.257.443	269.691.152
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.396.805.111	886.711.058
Chi phí khác bằng tiền	8.519.714.440	12.310.509.969
Tổng	25.308.214.020	30.361.103.969
<i>Trong đó: Chi phí quản lý với bên liên quan (Chi tiết tại 8.2)</i>	<i>59.370.000</i>	<i>973.704.700</i>

6.7 Thu nhập và chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác	984.862.189	1.487.034.518
Hoa hồng đại lý bảo hiểm	11.723.559	42.613.336
Thanh lý tài sản cố định	66.103.029	45
Hợp tác kinh doanh	582.000.000	865.000.000
Xử lý hàng thừa	144.936.538	2.928.960
Cho thuê xe oto và tài sản khác	142.319.000	324.726.000
Thu nhập khác	37.780.063	251.766.177
Chi phí khác	190.054.444	1.392.628.728
Phạt theo biên bản thanh tra, kiểm tra	-	710.429.410
Chi phí khấu hao của tài sản cho thuê	149.683.304	323.170.455
Chi phí khác	40.371.140	359.028.863
Lợi nhuận khác	794.807.745	94.405.790
<i>Trong đó: Thu nhập khác với bên liên quan (Chi tiết tại 8.2)</i>	<i>142.319.000</i>	<i>324.726.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.164.263.584	(5.408.775.584)
Các khoản điều chỉnh thu nhập chịu thuế	306.458.388	5.440.944.620
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	3.216.458.388	8.533.644.810
- Điều chỉnh thu nhập khác và chi phí trích trước	-	(182.700.190)
- Trả lãi liên doanh liên kết	(2.910.000.000)	(2.910.000.000)
Thu nhập chịu thuế	6.470.721.972	32.169.036
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.294.144.394	6.433.807
Thuế TNDN truy thu theo Quyết định của cơ quan thuế	-	2.423.072.763
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.294.144.394	2.429.506.570

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	34.736.734.785	38.488.434.114
Chi phí nhiên liệu, CCDC	1.871.156.632	1.792.638.388
Khấu hao tài sản cố định	7.494.088.506	7.658.020.539
Thuế, phí và lệ phí	239.257.443	296.994.161
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.408.953.360	5.689.332.026
Chi phí khác bằng tiền	19.836.641.393	26.365.083.051
Tổng	72.586.832.119	80.290.502.279

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

7.1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng trong năm

Chuyển nợ (trái phiếu chuyển đổi) thành vốn chủ sở hữu trong năm 2021 là: 17.427.700.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8. THÔNG TIN KHÁC

8.1 Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Xăng dầu khu vực I	Cổ đông lớn
- Công ty TNHH Một thành viên	
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ	Công ty con
Thương mại HFC	
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Công ty con
Công ty Cổ phần xe khách Hà Nội	Công ty liên kết
Nguyễn Trọng hậu	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/7/2021)
Nguyễn Phi Thái	Thành viên HĐQT
	Phó Tổng Giám đốc
Trần Bá Hóa	Thành viên HĐQT
Nguyễn Hữu Yên	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/7/2021)
Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
Nguyễn Đình Quý	Trưởng ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
Phạm Thị Liên Hương	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 25/6/2021)
Đậu Ngọc Nhân	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
	Phụ trách công bố thông tin
Nguyễn Công Lương	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 25/6/2021)
	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 25/6/2021)
Cần Duy Hưng	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 25/6/2021)
Nguyễn Công Mạnh Hùng	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 25/6/2021)
Và các thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân là bên liên quan	

8.2 Giao dịch với các bên liên quan

a) Giao dịch với nhân sự chủ chốt

Phụ cấp của Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Nguyễn Trọng hậu	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	24.000.000	48.000.000
Nguyễn Phi Thái	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Thị Minh Hiền	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 26/06/2020)	-	24.000.000
Trần Bá Hóa	Thành viên HĐQT	36.000.000	-
Nguyễn Hữu Yên	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25/06/2021)	24.000.000	-
Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25/06/2021)	-	-
Tổng		132.000.000	120.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC
Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng,
P.Quang Trung, Q.Đống Đa, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8.2 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Phụ cấp của Ban Kiểm soát		Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Họ và tên	Chức danh		
Nguyễn Đình Quý	Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 25/06/2021)	12.000.000	-
Phạm Thị Liên Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/06/2021)	12.000.000	-
Đậu Ngọc Nhân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/06/2021)	18.000.000	6.000.000
Nguyễn Công Lương	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 25/06/2021)	12.000.000	24.000.000
Cần Duy Hưng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/06/2021)	12.000.000	24.000.000
Nguyễn Công Mạnh Hùng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/06/2021)	12.000.000	24.000.000
Tổng		78.000.000	78.000.000

Tiền lương, thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý khác		Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Họ và tên	Chức danh		
Nguyễn Hữu Yên	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/07/2021)	317.770.000	-
Nguyễn Phi Thái	Phó Tổng Giám đốc	356.726.134	470.893.181
Nguyễn Công Lương	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 25/06/2021)	295.837.783	354.169.359
Đậu Ngọc Nhân	Phụ trách công bố thông tin	287.670.891	382.872.112
Nguyễn Trọng Hậu	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/07/2021)	945.689.920	1.104.894.956
Phạm Thị Liên Hương	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 25/06/2021)	274.568.115	441.307.353
Tổng		2.478.262.842	2.754.136.961

b) Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan			Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Mua hàng, dịch vụ	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch		
Công ty Xăng dầu khu vực I - Công ty TNHH Một thành viên	Cổ đông lớn	Mua xăng, dầu	1.091.012.344.809	1.037.481.739.222
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Công ty con	Thuê vận chuyển hàng hóa, xăng dầu	8.682.221.265	15.534.580.653
		Mua tài sản, CCDC thanh lý	6.142.510.425	-
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Công ty con	Sử dụng DV ăn uống, QL văn phòng cho thuê	59.370.000	973.704.700
Tổng			1.105.896.446.499	1.053.990.024.575

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8.2 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan			Năm 2021	Năm 2020
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	VND	VND
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Công ty con	Bán xăng dầu	2.163.389.873	3.525.649.769
		Cho thuê xe ô tô	142.319.000	324.726.000
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội	Công ty liên kết	Bán xăng dầu	7.503.206.636	7.980.291.109
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Công ty con	Cho thuê văn phòng và DV quản lý TS	654.545.454	462.272.727
Bên liên quan			Năm 2021	Năm 2021
Giao dịch khác	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	VND	VND
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Công ty con	Lãi cho vay	15.000.000	-

c) Số dư với các bên liên quan

			31/12/2021	01/01/2021
Phải thu với Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	VND	VND
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Công ty con	Phải thu khách hàng	-	282.783.712
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Công ty con	Phải thu khách hàng	148.500.000	148.500.000
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	3.401.211.320	4.780.174.820
Tổng			3.549.711.320	5.211.458.532

			31/12/2021	01/01/2021
Phải trả với Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	VND	VND
Công ty Xăng dầu khu vực I - Công ty TNHH MTV	Cổ đông lớn	Phải trả người bán	35.972.291.469	53.911.061.784
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Công ty con	Phải trả người bán	-	194.034.445
Tổng			35.972.291.469	54.105.096.229

Phải thu khác với Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung số dư	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Công ty con	Phải thu về cho vay	220.000.000	500.000.000
Tổng			220.000.000	500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC
Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng,
P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Lan

Nguyễn Công Lương

Nguyễn Hữu Yên